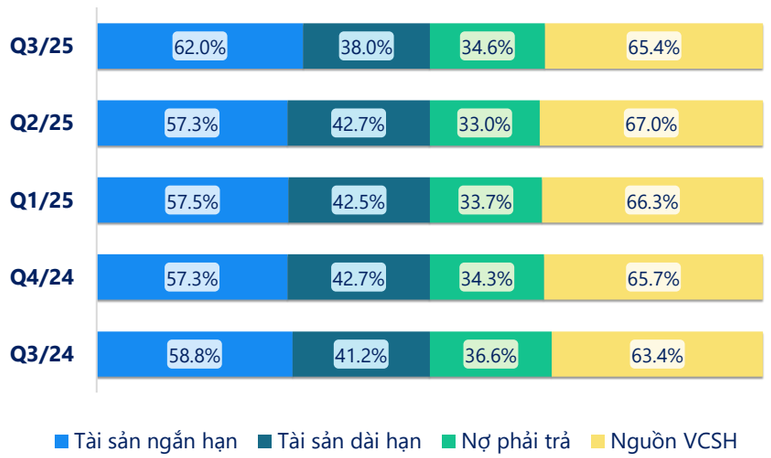
FireAnt

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,674
SL cổ phiếu LH	629,580,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,065,720
% sở hữu nước ngoài	3.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,499
P/E	15.4
EPS	879

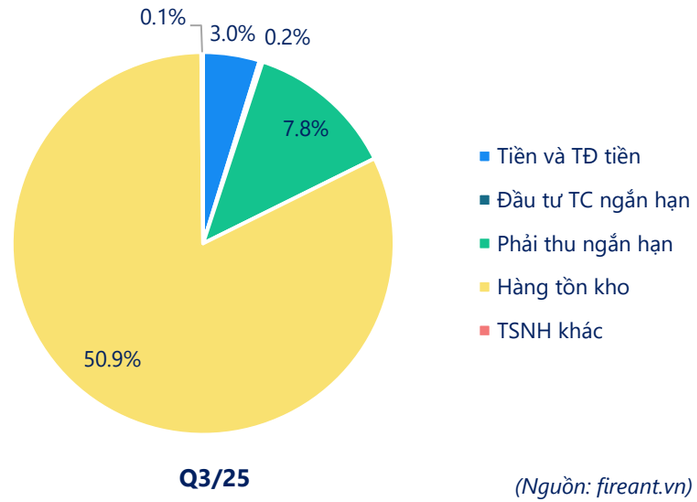
	YTD	1T	3T	6T
IJC	16.4%	7.3%	31.4%	18.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



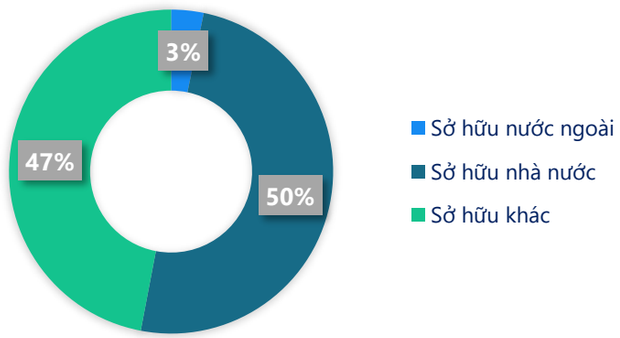
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



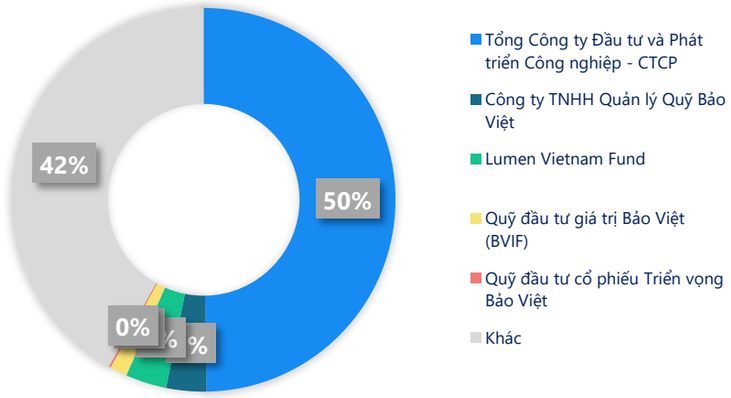
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



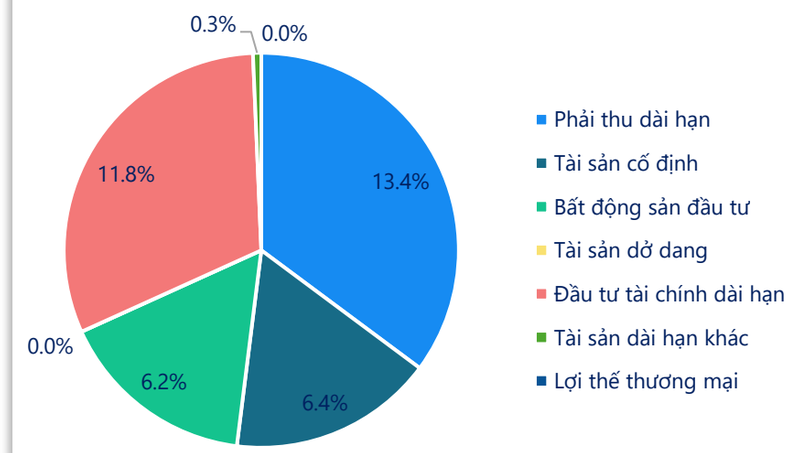
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

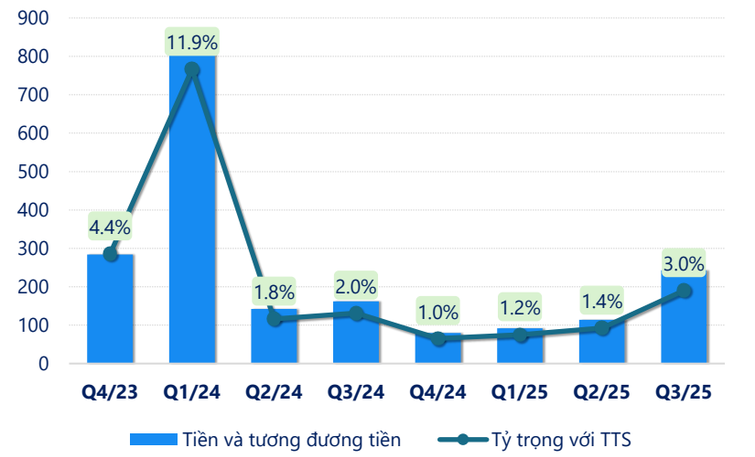


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

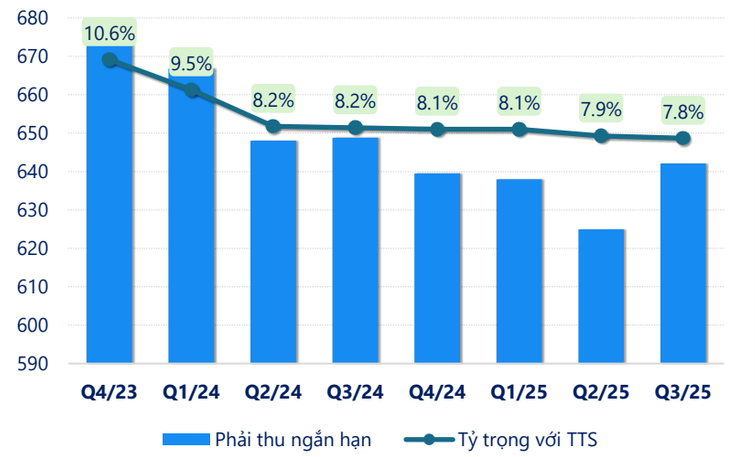
CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Tiền và tương đương tiền



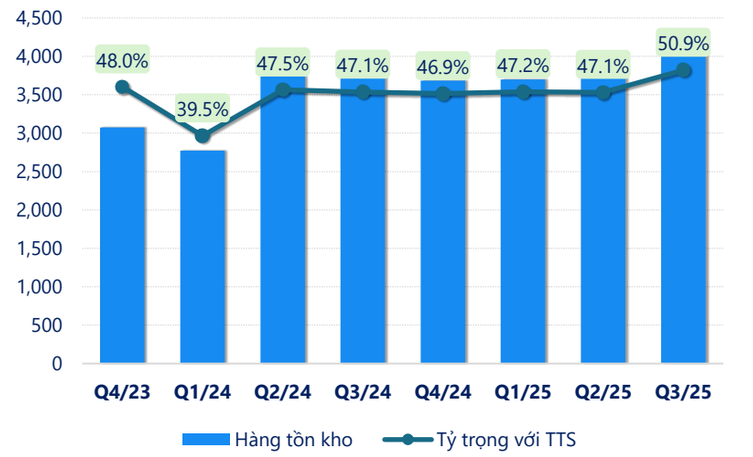
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



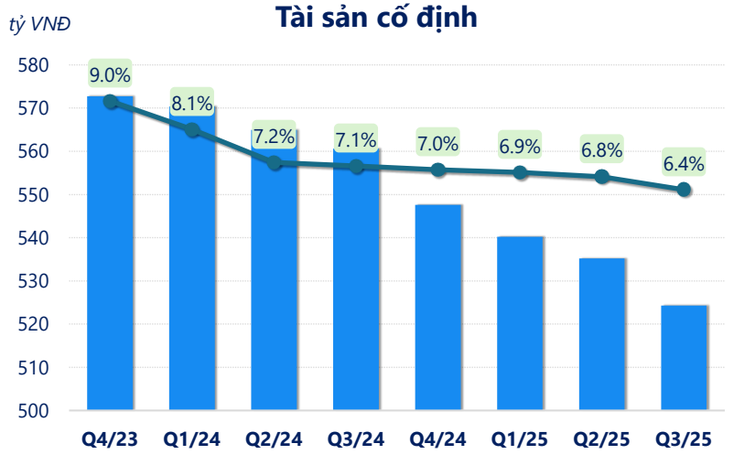
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



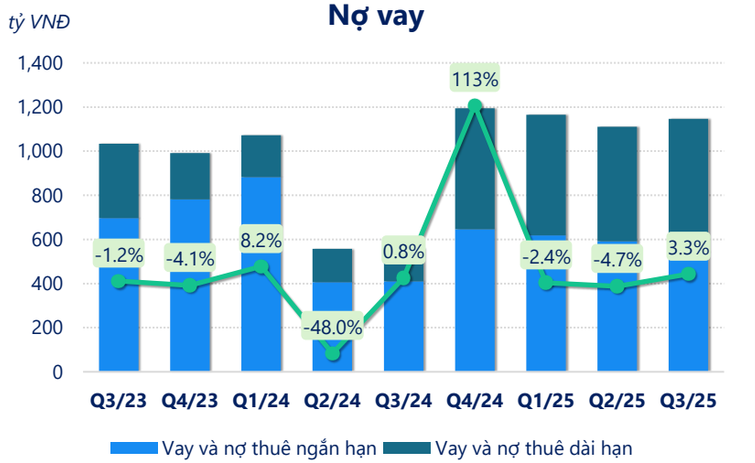
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



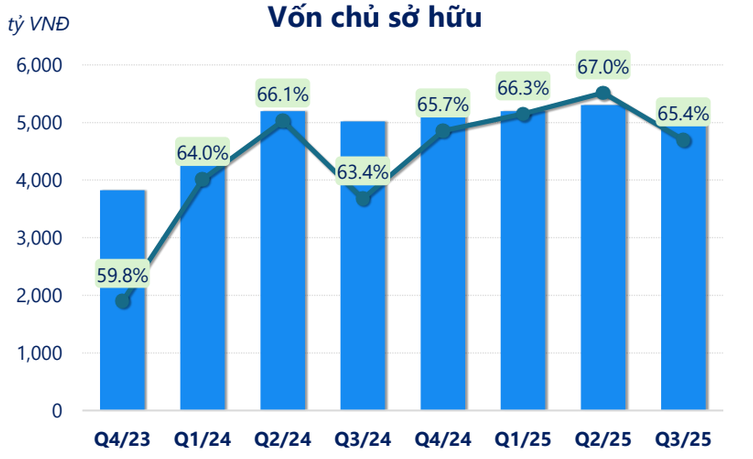
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

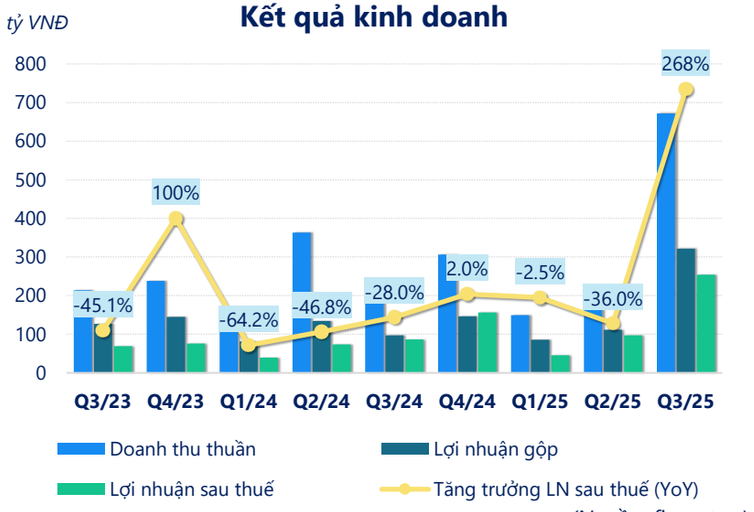


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

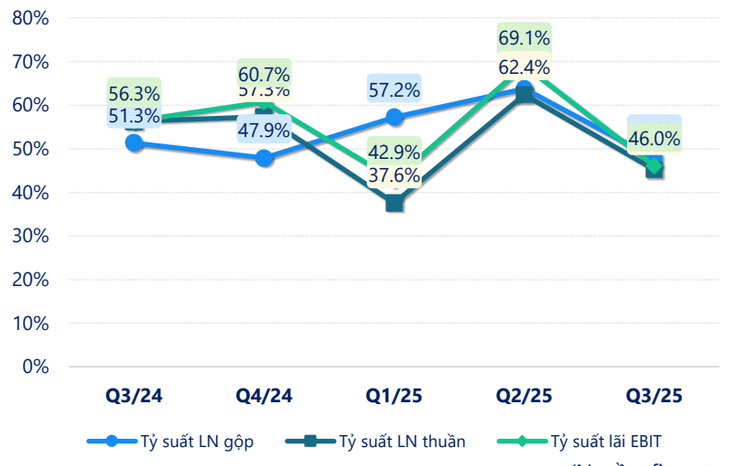
CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Kết quả kinh doanh



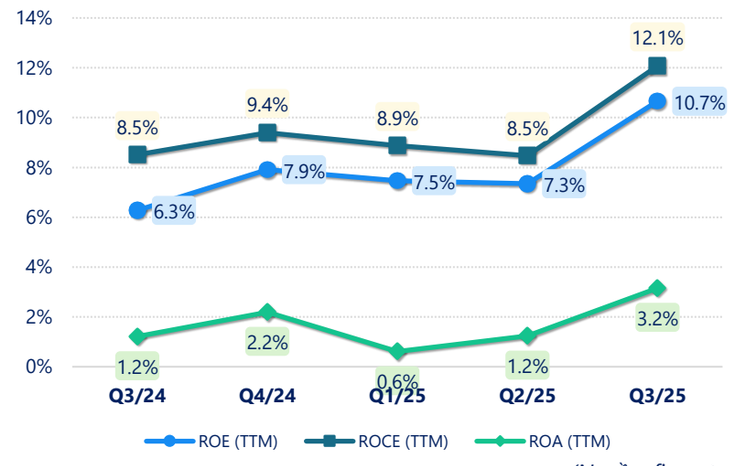
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



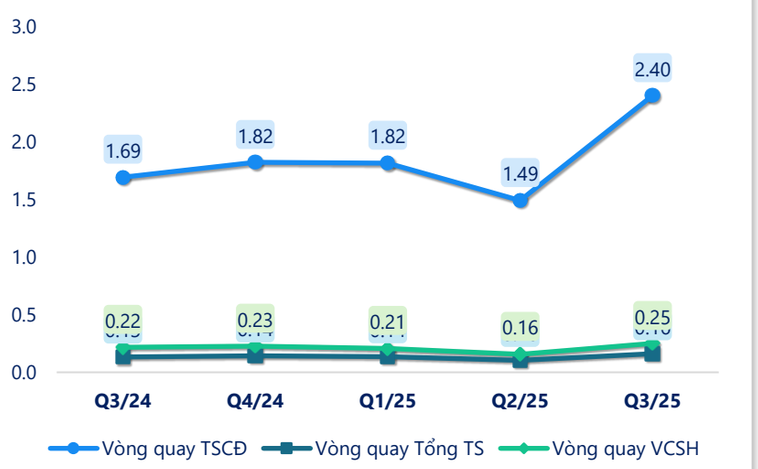
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



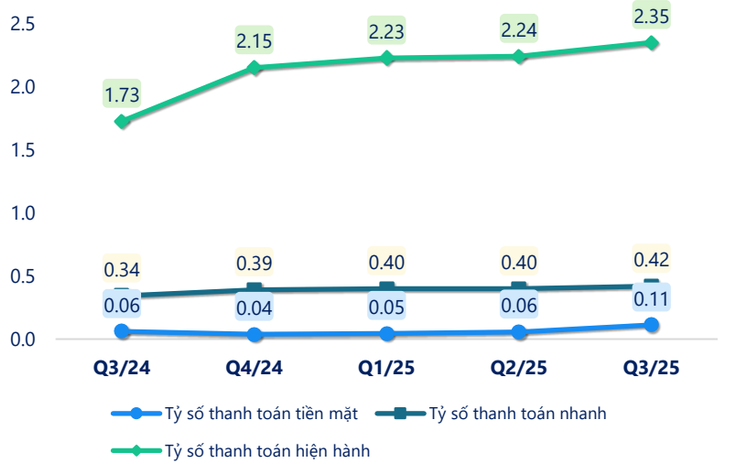
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



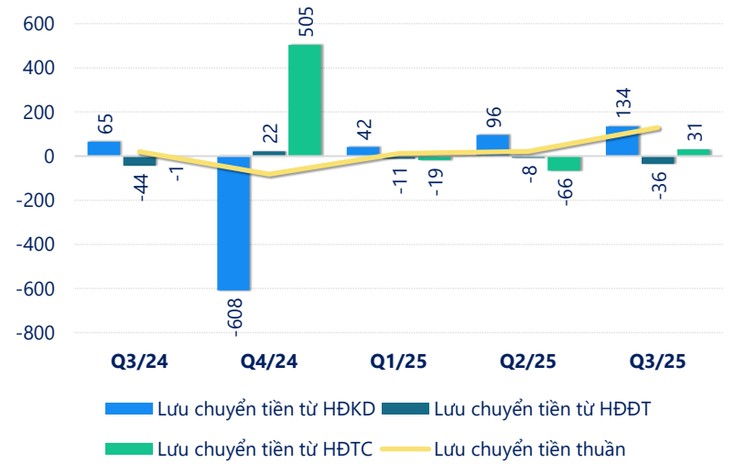
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**8,206**	**7,843**	**4.6%**
Tài sản ngắn hạn	5,087	4,498	13.1%
Tiền và tương đương tiền	243	79.9	204%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.3	16.3	-12.6%
Phải thu ngắn hạn	642	636	0.9%
Hàng tồn kho	4,180	3,683	13.5%
Tài sản ngắn hạn khác	8.05	82.6	-90.2%
Tài sản dài hạn	**3,120**	**3,345**	**-6.7%**
Phải thu dài hạn	1,097	774	41.8%
Tài sản cố định	524	548	-4.3%
Bất động sản đầu tư	507	515	-1.5%
Tài sản dở dang	0	643	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	970	835	16.2%
Tài sản dài hạn khác	**21.2**	**31.4**	**-32.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,840	2,691	5.5%
Nợ ngắn hạn	**2,163**	**2,089**	**3.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	543	647	-16.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	622	697	-10.7%
Nợ dài hạn	676	602	12.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	604	547	10.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,367**	**5,151**	**4.2%**
Vốn chủ sở hữu	**5,367**	**5,151**	**4.2%**
Vốn điều lệ	3,777	3,777	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	189	306	150	175	672
Giá vốn hàng bán	92.1	160	64.0	63.5	350
Lợi nhuận gộp	97.1	147	85.6	112	321
Doanh thu HĐTC	1.34	1.12	0.38	1.71	2.14
Chi phí TC	7.70	20.1	9.26	22.7	15.4
Chi phí lãi vay	7.85	9.75	9.26	11.6	9.76
LN trong công ty LKLD	43.5	76.8	7.07	43.9	72.9
Chi phí bán hàng	9.92	8.70	9.43	7.99	58.7
Chi phí QLDN	17.8	20.1	18.2	17.4	18.9
LN thuần từ HĐKD	107	176	56.2	109	304
Lợi nhuận khác	-7.77	0.68	-1.25	0.12	-4.49
LN trước thuế	98.8	176	55.0	110	299
Lợi nhuận sau thuế	86.6	156	45.5	97.5	254
LNST của CĐ cty mẹ	86.6	156	45.5	97.5	254

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.2	-608	41.8	95.6	134
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-43.7	21.5	-11.2	-8.35	-35.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.35	505	-18.7	-65.6	31.2
Tiền đầu kỳ	142	162	79.9	91.9	114
Lưu chuyển tiền thuần	**20.1**	**-82.0**	**11.9**	**21.6**	**129**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.03	-0.03
Tiền cuối kỳ	162	79.9	91.9	114	243

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic